

Số: /BC7N-TTBVTV

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 09 tháng 01 đến ngày 15 tháng 01 năm 2023)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết:

Nhiệt độ trung bình: 28⁰C Cao nhất: 30⁰C Thấp nhất: 24⁰C

Độ ẩm trung bình:..... Cao nhất:..... Thấp nhất:.....

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng:

a. Cây lúa:

Vụ	Diện tích KH (ha)	Trà	Giai đoạn Sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
Đông Xuân 2022-2023	17.363,7	Sớm (948 ha)	Đẻ nhánh	758
			Làm đồng	190
		Chính vụ (15.242,1ha)	Mạ	7.474,1
			Đẻ nhánh	7.768
Tổng				16.190,1

b. Cây trồng khác: Vụ Đông Xuân 2022-2023

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích Kế hoạch (ha)	Diện tích gieo trồng (ha)
- Ngô (bắp)	Cây con -10 lá	2.787,3	2.787,3
- Khoai các loại	Cây con	57	57
- Mì trồng mới	4-5 lá	465	465
- Lạc	Cây con – 4 lá	310	310
- Thuộc lá	Cây con	75	75
- Cây rau các loại	Nhiều giai đoạn	3.284,5	3.284,5
- Cây đậu các loại	PTTL	828	828
- Cây ăn quả:			
+ Nho	Lá - trái, chín - TH	1.124,6	
+ Táo	Cắt cành-mang trái-TH	1.010,3	
- Cây hàng năm khác:(cây gia vị, dược liệu, cỏ chăn nuôi,...)	Nhiều giai đoạn	1.797,5	1.797,5

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG TUẦN

1. Cây Lúa: Bệnh đạo ôn lá gây hại giai đoạn đẻ nhánh trên diện tích 07 ha (tỷ lệ 7-10%), phân bố tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

2. Cây Nho:

- Bọ trĩ gây hại trên diện tích 05 ha (tỷ lệ 5-10%), phân bố tại huyện Thuận Nam và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Bệnh mốc sương gây hại trên diện tích 06 ha (tỷ lệ 5-10%), phân bố tại huyện Ninh Sơn, Thuận Nam và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

3. Cây Táo:

- Bệnh thối trái gây hại trên diện tích 05 ha (tỷ lệ 3-12%), phân bố tại huyện Thuận Nam và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Bệnh phấn trắng gây hại trên diện tích 02 ha (tỷ lệ 7-10%), phân bố tại huyện Thuận Nam.

4. Rau - đậu các loại:

Bệnh thán thư/Ốt gây hại trên diện tích 01 ha (tỷ lệ 7-10%), phân bố tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

Nhìn chung, trong tuần sinh vật gây hại phát sinh, gây hại ở mức độ nhẹ, nông dân đã chủ động phòng trừ theo hướng dẫn của cán bộ bảo vệ thực vật địa phương.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

- **Cây Lúa:** Lưu ý đối tượng sâu đục thân, rầy nâu, bệnh đạo ôn lá gây hại giai đoạn đẻ nhánh.

- **Cây Bắp:** Tiếp tục theo dõi sâu keo mùa thu, chuột gây hại giai đoạn 3-8 lá

- **Cây Táo:** Lưu ý đối tượng sâu đục trái và bệnh thối trái phát sinh gây hại ở giai đoạn mang trái - thu hoạch.

- **Cây Nho:** Bọ trĩ, bệnh mốc sương, bệnh thán thư tiếp tục gây hại giai đoạn cắt cành đến mang trái.

- **Cây Rau, đậu các loại:** Tiếp tục theo dõi SVGH gây hại.

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ HOẶC CÁC CHỦ TRƯỞNG CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN Ở ĐỊA PHƯƠNG: Tiếp tục triển khai và thực hiện các công văn sau:

- Công văn số 556/TTBVTV-BVTV ngày 14/11/2022 về việc “Tăng cường hướng dẫn các biện pháp phòng trừ chuột và ốc bươu vàng gây hại lúa vụ Đông Xuân 2022-2023”.

- Công văn số 583/TTBVTV-BVTV ngày 28/11/2022 về việc “Hướng dẫn thực hiện công tác Bảo vệ thực vật vụ Đông Xuân 2022-2023”.

- Công văn số 07/TTBVTV-BVTV ngày 09/01/2023 về việc “Tăng cường chỉ đạo bảo vệ sản xuất trước, trong và sau Tết Nguyên đán năm 2023”.

- Công văn số 25/TTBVTV-BVTV ngày 12/01/2023 về việc “*Chủ động phòng chống SVGH cây trồng dịp Tết Nguyên đán 2023*”.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV miền Trung (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Lãnh đạo Chi cục (b/c);
- Phòng KT, NN&PTNT các huyện/tp (p/h);
- Các Trạm Trồng trọt và BVTV (t/h);
- Lưu HC, P.BVTV.

CHI CỤC TRƯỞNG

Phạm Dũng

Phụ lục:

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT GÂY HẠI
(Từ ngày 09/01/2023 đến ngày 15/01/2023)

S T T	Tên sinh vật gây hại	GDST của cây trồng	Mật độ, tỷ lệ (con/m ² , %)		Diện tích nhiễm (ha)					Diện tích phòng trừ (ha)	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Tổng số	Nhẹ	TB	Nặng	Thiệt hại >70% NS		
I	Cây Lúa				<u>07</u>	<u>07</u>	<u>0</u>	<u>0</u>		<u>07</u>	
1	Bệnh đạo ôn lá	Đẻ nhánh	7-10%		07	07	0	0		07	PR
II	Cây Nho				<u>11</u>	<u>11</u>	<u>0</u>	<u>0</u>		<u>11</u>	
1	Bọ trĩ	Lá, hoa, trái	5-10%		05	05	0	0		05	TN,PR
2	Bệnh mốc sương	Hoa, trái	5-10%		06	06	0	0		06	TN,NS,PR
III	Cây Táo				<u>07</u>	<u>07</u>	<u>0</u>	<u>0</u>		<u>07</u>	
1	Bệnh thối trái	Trái	3-12%		05	05	0	0		05	TN,PR
2	Bệnh phấn trắng	Trái	7-10%		02	02	0	0		02	TN
IV	Rau, đậu các loại				<u>01</u>	<u>01</u>	<u>0</u>	<u>0</u>		<u>01</u>	
1	Bệnh thán thư/Ốt	Trái	7-10%		01	01	0	0		01	PR

Ghi chú: TN, NS, PR: Thuận Nam, Ninh Sơn, Phan Rang - Tháp Chàm.